

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Kim Liên và bà Nguyễn Thị Thu Cúc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Khuru Huỳnh Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều D - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Xuân T, sinh năm 1976, (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: Số A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Phạm Văn D1, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện tại: Số A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Xuân T, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Xuân T và ông Phạm Văn D1 sống chung như vợ chồng từ năm 2012, không đăng ký kết hôn. Trong suốt thời gian chung sống với nhau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông D1 không lo lắng cho gia đình, thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc và nói những điều nhục mạ bà T. Bà T đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông D1 không thay đổi. Bà T và ông D1 đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay nhưng do ông D1 không có chỗ ở nên vẫn sống trong nhà của bà T. Tuy hai người sống chung trong nhà nhưng hai người độc lập về tài chính, không liên quan ràng buộc đến nhau. Nhận

thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án không công nhận bà T và ông D1 là vợ chồng

+ Về con chung: Bà Huỳnh Xuân T và ông Phạm Văn D1 có 01 (một) con chung tên Huỳnh Ngọc Gia B, sinh ngày 07/5/2012. Khi Tòa án không công nhận bà T và ông D1 là vợ chồng thì bà T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Phạm Văn D1 vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Xuân T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Phạm Văn D1 là vợ chồng. Ông D1 hiện cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, bà Huỳnh Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông D1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1.1] Bà Huỳnh Xuân T và ông Phạm Văn D1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012 nhưng đến nay vẫn không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[3.1.2] Xét thấy, hôn nhân của bà Huỳnh Xuân T và ông Phạm Văn D1 đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân giữa các bên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D1 là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Bà Huỳnh Xuân T và ông Phạm Văn D1 có 01 (một) con chung tên Huỳnh Ngọc Gia B, sinh ngày 07/5/2012. Khi Tòa án không

công nhận bà T và ông D1 là vợ chồng thì bà T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con.

[3.2.1] Xét thấy, cháu Huỳnh Ngọc Gia B chưa thành niên, bà Huỳnh Xuân T có công việc làm ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu B. Ông Phạm Văn D1 không có ý kiến về yêu cầu được nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu B, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu B cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2.2] Bà Huỳnh Xuân T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Phạm Văn D1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông D1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D1.

[3.2.3] Bà Huỳnh Xuân T và ông Phạm Văn D1 có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng: Bà Huỳnh Xuân T không yêu cầu ông Phạm Văn D1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông Phạm Văn D1 cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung trong quá trình hai người sống chung với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Xuân T có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Xuân T đối với ông Phạm Văn D1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Xuân T và ông Phạm Văn D1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Xuân T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Huỳnh Ngọc Gia B, sinh ngày 07/5/2012.

Bà Huỳnh Xuân T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Phạm Văn D1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông Phạm Văn D1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Huỳnh Xuân T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Phạm Văn D1.

Bà Huỳnh Xuân T và ông Phạm Văn D1 có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Xuân T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001456 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà T đã thực hiện xong.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Xuân T và ông Phạm Văn D1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan

